

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17/2018/HS-ST

Ngày: 22 - 5 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Đăng Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm;

Ông Giáp Văn Quynh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Tiến Thụy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Đức Th; tên gọi khác: không; sinh năm 1972; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở: Thôn R, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Văn hóa: 8/12; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn H, sinh năm 1941 và bà Diệp Thị M, sinh năm 1943; Có vợ là Tô Thị X, sinh năm 1978; Có 3 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 48/HSST ngày 10/11/1999 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Ngày 01/9/2000 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích; Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang - Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Vũ Bá Chủ, Luật sư Văn phòng luật sư Dân An – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: Số 17, đường Hùng Vương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

- *Người bị hại:*

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978, Địa chỉ: Số nhà 500, phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Thân Văn C, sinh năm 1969, Địa chỉ: Số nhà 500, phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

2. Chị Tô Thị X, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 1991, Trần Đức Th, sinh năm 1972 ở Thôn Đ, xã Đ, huyện L nhận đầu thầu trông coi, tu bổ rừng tại khu rừng thuộc địa phận thôn C, xã Đ, huyện L cho Lâm trường huyện Lục Nam. Quá trình đi làm rừng, Th quen biết anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1962 ở thôn C, xã Đ, huyện L là người cùng làm rừng và khai thác gỗ với Th. Năm 2006, anh T lấy vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 ở xã T, huyện L và có con trai là Nguyễn Hồng Phúc. Sau khi quen biết nhau, Th thường xuyên đến nhà anh T chơi nên biết mọi người trong gia đình. Anh T thường sử dụng số điện thoại 01676.912.767 để liên lạc. Th lưu số điện thoại trên vào danh bạ điện thoại của mình là “A. T”.

Năm 2012, anh T bị chết. Năm 2016, chị H kết hôn với anh Thân Văn C, sinh năm 1969 và đưa con về sinh sống cùng anh C tại thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam. Chị H vẫn thường xuyên đi về thôn C, xã Đ để chăm sóc đồi, rừng. Trong một lần về thôn Cai Vàng, chị H gặp Th và nói chuyện thì Th biết chị H đang sử dụng số điện thoại của anh T nên Th sửa tên và lưu lại số điện thoại đó trong danh bạ là “H.T”. Biết chị H làm kinh tế đồi rừng có nhiều tiền nên Th nảy sinh ý định nhắn tin đe dọa chị H để chiếm đoạt tiền. Th sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, loại 2 sim 2 sóng và thường xuyên sử dụng 02 sim điện thoại có số thuê bao là 01695.595.578 của mạng Viettel và thuê bao số 0936.716.938 của mạng MobiFone để liên lạc với mọi người.

Khi nhắn tin cho chị H, Th tháo 1 trong 2 chiếc sim thường sử dụng ra và lấy chiếc sim điện thoại khuyến mại đã mua từ trước có số thuê bao là 01284.986.834 lắp

vào máy điện thoại và nhiều lần nhấn tin yêu cầu phải chuyển tiền cho Th, nếu không sẽ giết mẹ con chị H.

Từ 11 giờ 55 phút đến 12 giờ 31 phút ngày 16/7/2017, Th soạn 04 tin nhắn đến số điện thoại của chị H là 01676.912.767 với nội dung:

Tin nhắn thứ nhất: Alo, có phải chị H không... chị có phải mẹ của em Nguyễn Hồng P không nhỉ?.

Tin nhắn 2: Cách đây 4 năm sau khi chồng chị mất.. cả họ nhà chị muốn giết chị.. đại ca tôi bỏ số tiền ra mua lại mạng mẹ con nhà chị.. đến giờ đại ca tôi mắc bệnh sắp chết. Vậy chúng tôi yêu cầu chị trả lại số tiền mà đại ca tôi đã bỏ ra mua mạng 2 mẹ con nhà chị.. (nếu chị báo công an hay tiết lộ cho bất cứ ai biết tôi sẽ không bảo toàn mạng sống của 2 mẹ con nhà chị).

Tin nhắn 3: Đúng 3 ngày sau chị phải nộp đủ số tiền 01 tỷ.. bằng không sẽ cho chị ném mùi đau khổ. 3 ngày sau chị không đáp ứng thì chị nhận xác con chị nhé.. xong rồi đến lượt chị nghe rõ chưa.. đây là mệnh lệnh của đại ca..nếu thông tin này mà lọt ra ngoài thì sẽ bị giết cả nhà..ok vậy nhé..lo mà thu xếp..trong 3 ngày.

Tin nhắn 4: 1 là tiền, 2 là chết.. Tùy mày chọn.. trong 3 ngày bọn tao không thấy câu trả lời thì mẹ con mày sẽ phải chết.. nếu tiết lộ thông tin.. hết..

Khoảng 16 giờ cùng ngày, chị H xem điện thoại thấy có những tin nhắn nêu trên nên lưu tên người gửi trong danh bạ điện thoại là “Kẻ Vô danh”. Ngày 17/7/2017, chị H làm đơn gửi Công an huyện Lục Nam trình báo.

Từ 23 giờ 28 phút đến 23 giờ 51 phút ngày 18/7/2017, Th soạn 05 tin nhắn gửi cho chị H đe dọa yêu cầu phải chuyển tiền cho Th nhưng chị H không trả lời. Khoảng 6 giờ sáng ngày 19/7/2017, chị H nhấn tin lại nội dung: Anh là ai? Mà đòi số tiền nhiều thế thì tôi lấy đâu ra. Th không xưng tên mà tiếp tục soạn nhiều tin nhắn gửi cho chị H yêu cầu phải chuyển tiền nếu không sẽ giết mẹ con chị H. Chị H nhấn lại bảo chỉ có 200.000.000 đồng cầm tạm rồi tính tiếp và đề nghị được nói chuyện nhưng Th không đồng ý.

Trong ngày 19/7/2017, Th đã soạn nhiều tin nhắn gửi đến số điện thoại của chị H, nội dung những tin nhắn này đều thể hiện việc Th đe dọa và yêu cầu chị H phải đưa tiền cho Th. Chị H có nhấn lại xin giảm số tiền theo yêu cầu thì Th nhấn tin yêu cầu chị H giao trước một nửa số tiền là 500.000.000 đồng; chị H nhấn tin trả lời không có tiền thì Th tiếp tục yêu cầu phải giao trước 300.000.000 đồng, số còn lại tính tiếp, bằng không sẽ tính lãi ngày. Chị H vẫn trả lời là không có tiền mà chỉ thu xếp được 100.000.000 đồng thì Th đồng ý nhận trước số tiền đó và yêu cầu chị H đi một mình, mang tiền đến phố Kim, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn để giao tiền, địa

điểm cụ thể sẽ báo sau. Hai bên nhắn tin qua lại, đến khoảng 21 giờ cùng ngày, chị H nhắn tin cho Th do sợ phải đi một mình trong đêm nên không đến địa điểm Th yêu cầu.

Những ngày tiếp theo, Th tiếp tục nhắn tin đe dọa và yêu cầu chị H phải đưa ngay 500.000.000 đồng cho Th; hai bên nhắn tin qua lại. Đến khoảng 21 giờ ngày 22/7/2017 do không đạt được mục đích chiếm đoạt tiền và nghi ngờ chị H báo Công an nên Th dừng nhắn tin.

Sau đó, Th tháo chiếc sim điện thoại dùng nhắn tin cho chị H ra khỏi máy rồi cắn nát và vứt ra phía sau bếp của gia đình đồng thời xóa hết nội dung tin nhắn giữa Th và chị H trong máy điện thoại.

Ngày 24/7/2017, Th đến Công an huyện Lục Nam đầu thú và giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 là điện thoại Th sử dụng nhắn tin đe dọa chị H. Tiến hành kiểm tra điện thoại thấy có lắp 02 sim có số thuê bao là 01695.595.578 và 0936.716.938; kiểm tra thư mục danh bạ trong điện thoại của Th thấy có tên “H.T” số điện thoại 01676.912.767.

Ngày 23/7/2017, chị Nguyễn Thị H giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1W, lắp sim thuê bao số 01676.912.767. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra chi tiết mục tin nhắn thấy có lưu các nội dung tin nhắn của số thuê bao 01284.986.834 từ ngày 16/7/2017 đến ngày 22/7/2017.

Quá trình điều tra vụ án, Trần Đức Th khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Cơ quan điều tra cho Th xem các tin nhắn được in ra từ điện thoại của chị H từ ngày 16 đến ngày 22/7/2017, Th khẳng định các tin nhắn này là do Th soạn và gửi cho chị H.

Căn cứ lời khai Th, Cơ quan điều tra đã truy tìm chiếc sim điện thoại Th vứt đi nhưng không thu giữ được.

Cơ quan điều tra ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín yêu cầu đơn vị viễn thông cung cấp nội dung tin nhắn đến, tin nhắn đi, số Imei máy điện thoại lắp sim số thuê bao 01284.986.834 từ ngày 16/7/2017 đến ngày 22/7/2017; nội dung tin nhắn đến, tin nhắn đi của số thuê bao 01676.912.767 từ ngày 16/7/2017 đến ngày 22/7/2017.

Tổng công ty viễn thông Mobiphone và tập đoàn viễn thông quân đội Viettel cung cấp từ ngày 16/7/2017 đến ngày 22/7/2017 giữa 02 số thuê bao 01284.986.834 và 01676.912.767 có tổng cộng 178 tin nhắn; trên hệ thống không còn lưu nội dung tin nhắn.

* Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu bồi thường và đề nghị xử lý Trần Đức Th theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 01/KSĐT- KTCV ngày 05/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Trần Đức Th về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Qua thẩm vấn tại phiên toà, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Đức Th phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 18, Điều 52, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo: Trần Đức Th 12 đến 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2017.

Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1W vỏ màu trắng, có 02 số Imei gồm: 869125028425713 và 869125028425705; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen, có 02 seri gồm: 356010086974846 và 356010086974853.

Về án phí: Bị cáo phải chịu phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư Vũ Bá Chủ phát biểu luận cứ bào chữa cho bị cáo:

+ Về tội danh, điều luật áp dụng: Luật sư không có ý kiến tranh luận, đồng ý với quan điểm của Viện Kiểm sát.

+ Về mức hình phạt: Là quá nặng vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội chưa đạt, bố bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án 06 đến 07 năm tù.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của luật sư và không có ý kiến tranh luận gì.

Chị H: Không đồng ý với mức án như Luật sư đề nghị.

Kiểm sát viên đối đáp với luật sư bào chữa cho bị cáo:

Luật sư đề nghị áp dụng điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là không có căn cứ, vì bị cáo đã được áp dụng là phạm tội chưa đạt. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2] Quá trình xét hỏi tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Do muốn chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị H nên từ ngày 16/7/2017 đến ngày 22/7/2017, Trần Đức Th đã sử dụng điện thoại di động Nokia 105, lắp sim thuê bao số 01284.986.834 liên tục nhắn nhiều tin gửi đến điện thoại di động của chị H có số thuê bao 01676.912.767 yêu cầu phải chuyển 01 tỷ đồng cho Th, nếu không sẽ giết mẹ con chị H. Chị H nhắn tin lại nói chỉ thu xếp được 100.000.000 đồng thì Th đồng ý nhận trước số tiền đó và yêu cầu chị H đi một mình, mang tiền đến phố K, xã P, huyện L để giao tiền nhưng chị H sợ không dám đi. Đến ngày 22/7/2017, Th ghi ngờ chị H báo Công an nên không nhắn tin nữa. Ngày 24/7/2017 Th đến Công an huyện Lục Nam đầu thú.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ được Cơ quan điều tra thu thập, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Đức Th phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được Nhà nước và pháp luật bảo vệ.

[3] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Đức Th là người có nhân thân xấu, bản án hình sự sơ thẩm số 48/HSST ngày 10/11/1999 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Ngày 01/9/2000 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích; Bị cáo không có tiền án tiền sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội

bị cáo đã ra đầu thú, bố để bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên áp dụng các Điều 18, 52 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài, để giáo dục riêng đối với bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thực tế chưa chiếm đoạt được tài sản gì, kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên Hội đồng xét xử không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1W vỏ màu trắng, có 02 số Imei gồm: 869125028425713 và 869125028425705 là tài sản của chị Nguyễn Thị H nên cần trả lại cho chị H. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen, có 02 seri gồm: 356010086974846 và 356010086974853 là chiếc điện thoại của bị cáo Th đã sử dụng để lắp số sim, nhắn tin cho chị H đe dọa nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Đức Th phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 135, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 18, Điều 52 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đức Th 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2017.

[2] Vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1W vỏ màu trắng, có 02 số Imei gồm: 869125028425713 và 869125028425705.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen, có 02 số seri gồm: 356010086974846 và 356010086974853.

[3] Án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Trần Đức Th phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Thị hành án;
- Bị cáo;
- Lưu HS,TT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi

